

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ GIỚI NINH BÌNH

GIÁO TRÌNH

MÔN HỌC: THANH TOÁN TÍN DỤNG QUỐC TẾ

NGHỀ: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

*Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TCGNB ngày.....tháng....năm
2017 của Trường cao đẳng nghề Cơ giới Ninh Bình*

Ninh Bình, năm 2018

Tailieu.vn

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

Tailieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Giáo trình “***Thanh toán tín dụng quốc tế***” được biên soạn nhằm giới thiệu kiến thức cơ bản về hoạt động thanh toán quốc tế nhằm giúp cho người học hiểu được các vấn đề kinh tế đang diễn ra trong bối cảnh kinh tế hội nhập quốc tế và công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với hoạt động thanh toán quốc tế.

Giáo trình “***Thanh toán tín dụng quốc tế***” thuộc nội dung đào tạo cho chuyên ngành Quản trị kinh doanh trong trường. Tuy nhiên giáo trình này còn là tài liệu tham khảo và nghiên cứu cho sinh viên chuyên ngành kinh tế nói chung và các đối tượng khác cần quan tâm đến vấn đề thanh toán quốc tế.

Thanh toán quốc tế là khâu cuối cùng của các giao dịch kinh tế và thương mại quốc tế của các chủ thể của các nước trên thế giới. Hội nhập kinh tế quốc tế đã và đang phát triển mạnh mẽ nên các giao dịch kinh tế và thương mại quốc tế thay đổi nhiều về nội dung và hình thức, quy mô và độ sâu. Vì vậy việc nghiên cứu vấn đề thanh toán quốc tế đòi hỏi cập nhật thông tin và nhạy bén trong hoạt động ngoại thương mới có thể đáp ứng làm công cụ và phương tiện các giao dịch kinh tế và ngoại thương. Đáp ứng nhu cầu học và nghiên cứu trong nhà trường, cuốn giáo trình “***Thanh toán tín dụng quốc tế***” được biên soạn gồm có 4 chương:

Chương 1: Tổng quan về thanh toán quốc tế

Chương 2: Tỷ giá hối đoái và phân loại

Chương 3: Các phương tiện thanh toán quốc tế.

Chương 4: Các phương thức thanh toán quốc tế

Giáo trình “***Thanh toán tín dụng quốc tế***” được biên soạn dựa trên các nguồn thông tin trong nước và quốc tế, bám sát các nghiệp vụ thanh toán quốc tế làm tài liệu phục vụ cho việc giảng dạy và học tập của thầy và trò Trường CĐ Cơ Giới Ninh Bình và các đối tượng khác có nhu cầu quan tâm đến lĩnh vực thanh toán quốc tế.

Tuy nhiên, đây là lần biên soạn nên cuốn giáo trình không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của bạn đọc để cuốn giáo trình ngày càng hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

Ninh Bình, ngày.....tháng.....năm...

Chủ biên

MỤC LỤC

Contents

Contents.....	5
CHƯƠNG 1: Tổng quan về thanh toán quốc tế.....	9
1. Khái niệm về thanh toán quốc tế.....	10
2. Các chủ thể tham gia thanh toán quốc tế.....	11
1. Khái niệm :.....	19
2. Cơ sở hình thành tỷ giá hối đoái.....	20
2.1.Câu về tiền trên thị trường ngoại hối.....	20
2.2.Cung về tiền trên thị trường ngoại hối.....	21
3. Các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái :	22
3.1. Phương pháp yết giá trực tiếp.....	22
3.2. Phương pháp yết giá gián tiếp.....	22
4. Các phương pháp công bố tỷ giá hối đoái.....	23
4.2. Phương pháp yết giá gián tiếp.....	23
5. Các loại tỷ giá hối đoái	24
5.1. Tỷ giá chính thức.....	24
5.2. Tỷ giá thương mại.....	24
5.3.Tỷ giá thị trường tự do.....	25
6. Phương pháp xác định tỷ giá hối đoái.....	25
6.1. Cách tính tỷ giá chéo giữa 2 đồng tiền định giá.....	25
CHƯƠNG 3: Các phương tiện thanh toán quốc tế.....	29
1. Hối phiếu (Bill of Exchange hoặc Draft).....	30
1.1 Khái niệm và đặc điểm của hối phiếu.....	30
1.2 Chấp nhận hối phiếu.....	36
1.3 Ký hậu hối phiếu (Endorsement).....	38
1.4 Bảo lãnh thanh toán.....	40
1.5 Quyền khởi kiện.....	41
2. Kỳ phiếu (Promissory Note).....	41
2.1 Khái niệm và đặc điểm lưu thông kỳ phiếu.....	41
2.2 Nội dung của kỳ phiếu.....	42
3. Séc	43
3.1 Khái niệm và nội dung bắt buộc ghi trên séc.....	43
3.2 Những yêu cầu pháp lý đối với nội dung và hình thức của séc.....	44

3.3 Số dư có tài khoản phát hành séc.....	46
3.4. Lưu thông séc.....	46
3.6. Quy trình lưu thông thanh toán séc.....	49
1. Phương thức chuyển tiền:	59
1.1. Phương thức chuyển tiền:	59
2. Phương thức ghi sổ:.....	62
2.1. Khái niệm và trình tự tiến hành nghiệp vụ:	62
2.2. Trường hợp áp dụng:.....	63
2.3. Các loại ghi sổ và những điều cần chú ý khi áp dụng:	63
3. Phương thức bảo lãnh:.....	64
3.1. Khái niệm:.....	64
3.2. Các bên tham gia:	64
3.3. Phân loại bảo lãnh:.....	65
4. Phương thức nhờ thu:.....	69
4.1. Khái niệm:.....	69
4.2. Quy trình tiến hành nghiệp vụ:.....	69
4.3. Trường hợp áp dụng:.....	70
5. Phương thức tín dụng chứng từ:.....	71
5.1. Khái niệm về quy trình tiến hành nghiệp vụ phương thức tín dụng chứng từ:	71
5.2. Diễn giải quy trình thanh toán bằng L/C theo tập quán của ngân hàng Việt Nam.....	71
5.3. Thư tín dụng thương mại :	72
Là một chứng thư (điện hoặc chứng chỉ), trong đó Ngân hàng phát L/C sẽ cam kết trả tiền cho Người xuất khẩu nếu họ xuất trình được các chứng từ phù hợp với các điều kiện và điều khoản quy định trong L/C.....	72
5.4. Các loại L/C thương mại:.....	72
5.5. Những vấn đề sử dụng phương thức tín dụng chứng từ.....	74

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Tên môn học: *Thanh toán tín dụng quốc tế*

Mã môn học: MH 37

Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học

- Vị trí: Thanh toán tín dụng quốc tế là môn học chuyên ngành được học sau môn kế toán doanh nghiệp phần 1,2,3

- Tính chất: Thanh toán tín dụng quốc tế là môn học chuyên môn nghề.

- Ý nghĩa và vai trò của môn học:

Chương trình môn học trang bị cho học sinh những kiến thức đạt chuẩn kiến thức chuyên môn của trình độ cao đẳng, hỗ trợ người học hiểu và tính toán được tỷ giá, phương thức tính tỷ giá trong quá trình làm việc

Mục tiêu của môn học:

+ Trình bày được khái niệm và các chủ thể tham gia trong thanh toán quốc tế;

+ Trình bày được các điều kiện cần thiết trong thanh toán quốc tế;

+ Trình bày khái niệm cơ bản và khái niệm có tính thị trường của tỷ giá hối đoái;

+ Trình bày các loại tỷ giá hối đoái;

+ Trình được các nội dung và cách tính tỷ giá hối đoái trong các trường hợp khác nhau;

+ Trình bày được các công cụ trong thanh toán quốc tế;

+ Trình bày được hối phiếu, kỳ phiếu, séc quốc tế, thẻ ngân hàng cũng như nội dung và yêu cầu pháp lý của các công cụ trên;

+ Trình bày được quy trình thanh toán bằng séc, hối phiếu, kỳ phiếu và thẻ ngân hàng;

+ Trình bày được khái niệm và quy trình tiến hành nghiệp vụ của các phương thức thanh toán quốc tế bao gồm: phương thức thanh toán chuyển tiền và ghi sổ, phương thức bảo lãnh và tín dụng dự phòng, phương thức thanh toán nhờ thu, phương thức thanh toán tín dụng chứng từ và thư ủy thác.

- Về kỹ năng:

+ Phân biệt được chủ thể tham gia trong thanh toán quốc tế;

+ Vận dụng được các điều kiện thanh toán quốc tế để làm bài tập;

+ Giải thích cách công bố tỷ giá hối đoái và phương pháp yết giá ngoại tệ;

+ Vận dụng được các công thức xác định tỷ giá hối đoái theo đúng yêu cầu của bài tập;

+ Phân biệt được các phương thức thanh toán bằng: séc, hối phiếu, kỳ phiếu và thẻ ngân hàng;

+ Vận dụng được các công cụ thanh toán trong thanh toán quốc tế để hoàn thành bài tập theo đúng yêu cầu;

+ Phân biệt được các phương thức thanh toán trong thanh toán quốc tế;

+ Vận dụng được các phương thức thanh toán trong thanh toán quốc tế để hoàn thành bài tập theo đúng yêu cầu.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có ý thức học tập theo phương pháp suy luận kết hợp lý luận với thực tiễn;

+ Có thái độ nghiêm túc, cách tiếp cận khoa học khi xem xét vấn đề thuộc lĩnh vực thanh toán quốc tế.

Nội dung môn học:

CHƯƠNG 1: Tổng quan về thanh toán quốc tế

Mã chương: TT 01

Giới thiệu: Nội dung chương giới thiệu về thanh toán quốc tế, các chủ thể tham gia thanh toán quốc tế, cán cân thanh toán quốc tế, các điều kiện trong thanh toán quốc tế và thương mại quốc tế

Mục tiêu:

- Về kiến thức: + Trình bày được khái niệm và các chủ thể tham gia trong thanh toán quốc tế;
+ Trình bày được các điều kiện cần thiết trong thanh toán quốc tế;

- Về kỹ năng: + Phân biệt được chủ thể tham gia trong thanh toán quốc tế;
+ Vận dụng được các điều kiện thanh toán quốc tế để làm bài tập;
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm : + Rèn luyện tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, chính xác.

Nội dung chính :

1. Khái niệm về thanh toán quốc tế

Các quốc gia không thể tồn tại và phát triển nếu chỉ dựa vào các giao dịch, trao đổi hàng hoá, dịch vụ và các hoạt động văn hoá, khoa học kỹ thuật và xã hội của bản thân quốc gia mình. Sự khác biệt về địa lý, khí hậu, môi trường và trình độ phát triển khoa học, kỹ thuật và nguồn nhân lực cũng như các yếu tố về xã hội học giữa các quốc gia đã làm cho lợi thế so sánh giữa các quốc gia không thể bằng nhau, nước này có lợi thế về mặt này nhưng lại bất lợi thế về mặt khác và nước khác thì ngược lại. Để có thể tồn tại và phát triển một cách thuận lợi, các quốc gia sẽ phải tiến hành trao đổi kinh tế và thương mại với nhau trên nguyên tắc mang cái mình có lợi thế trao đổi lấy cái mình chưa có lợi thế với các nước khác. *Việc trao đổi các hoạt động kinh tế và thương mại giữa các quốc gia làm phát sinh các khoản thu và chi bằng tiền của nước này đối với một nước khác trong từng giao dịch hoặc trong từng định kỳ chi trả do hai nước quy định. Trong mối quan hệ chi trả này, các quốc gia phải cùng nhau quy định những yếu tố cấu thành cơ chế thanh toán giữa các quốc gia như quy định về chủ thể tham gia thanh toán, lựa chọn tiền tệ, các công cụ và các phương thức đòi và hoặc chi trả tiền tệ. Tổng hợp các yếu tố cấu thành cơ chế đó tạo thành thanh toán quốc tế giữa các quốc gia.*

Như vậy, Thanh toán quốc tế là hoạt động thanh toán từ tài khoản của chủ thể này đến tài khoản của chủ thể khác ở các quốc gia khác nhau để hoàn thành các mối quan hệ kinh tế, thương mại, hợp tác khoa học kỹ thuật, ngoại giao, xã hội giữa các nước thông qua hệ thống ngân hàng.

Nội dung thanh toán quốc tế rất phong phú và đa dạng, song có thể chia thành 2 nhóm: Thanh toán có tính chất mậu dịch và thanh toán có tính chất phi mậu dịch.

Thanh toán quốc tế có tính chất mậu dịch là nhóm hoạt động thanh toán phục vụ mục đích kinh doanh như: Thanh toán tiền hàng, trả cước vận tải quốc tế, thanh toán công nợ giữa các ngân hàng, tổ chức tài chính.

Thanh toán quốc tế có tính chất phi mậu dịch là nhóm hoạt động thanh toán không mang tính chất kinh doanh như: Bao gồm nội dung thanh toán để phục vụ hoạt động ngoại giao, xã hội, hợp tác khoa học, viện trợ...

2. Các chủ thể tham gia thanh toán quốc tế

2.1. Ngân hàng trung ương

Ngân hàng trung ương tham gia vào thanh toán quốc tế với cương vị là người thay mặt Chính phủ ký kết và thực hiện các Hiệp định về tiền tệ và tín dụng quốc tế và là Ngân hàng của các Ngân hàng trong hoạt động tiền tệ và thanh toán quốc tế. Với cương vị đó, Ngân hàng trung ương thực hiện các nhiệm vụ:

- + Chủ trì lập và theo dõi việc thực hiện cán cân thanh toán quốc tế;
- + Quản lý ngoại hối và hoạt động ngoại, hối;
- + Thay mặt Chính phủ ký kết các Điều ước quốc tế, luật quốc tế về tiền tệ và tín dụng;
- + Đại diện cho Chính phủ tại các tổ chức tiền tệ và Ngân hàng quốc tế;
- + Tổ chức hệ thống thanh toán qua Ngân hàng và thực hiện các dịch vụ thanh toán trong và ngoài nước;
- + Quản lý và cung ứng các công cụ lưu thông tín dụng sử dụng trong thanh toán quốc nội và quốc tế;
- + Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tài chính và Ngân hàng.

Chính phủ của các quốc gia là loại chủ thể chủ yếu tham gia thanh toán quốc tế thông qua Ngân hàng trung ương là người đại diện. Các hiệp định về tài chính và tiền tệ ký kết giữa các Chính phủ dưới dạng đa biên hay song biên chi phối rất lớn đến hoạt động thanh toán quốc tế của mỗi quốc gia. Đối với

những quốc gia thường xuyên gánh chịu cán cân thanh toán quốc tế thiếu hụt, các khoản thu tiền tệ từ các hiệp định về tài chính và tiền tệ có ý nghĩa hết sức quan trọng trong cân bằng cán cân thanh toán quốc tế hàng năm.

2.2 Ngân hàng thương mại

Ngân hàng thương mại là chủ thể chủ yếu của các trung gian tài chính tham gia thanh toán quốc tế. Ngân hàng là một trung gian tài chính có mạng lưới bao trùm rộng khắp trong toàn quốc, nó nằm trong tay hầu hết toàn bộ của cải của xã hội dưới hình thức bằng tiền, nó có mạng lưới đại lý ở hầu hết các quốc gia đối tác trên phạm vi toàn cầu.

Hoạt động của Ngân hàng thương mại dựa chủ yếu trên 3 chức năng chủ yếu: chức năng trung gian tín dụng, chức năng trung gian thanh toán và chức năng sáng tạo ra các công cụ lưu thông tín dụng thay thế cho tiền mặt thực hiện có hiệu quả chức năng phương tiện lưu thông của tiền tệ.

+ Chức năng trung gian tín dụng:

Trong quá trình tái sản xuất xã hội do chu kỳ sản xuất khác nhau, quy mô vốn cố định và vốn lưu động khác nhau, tính chất và đặc điểm mặt hàng khác nhau và đặc biệt là môi trường kinh doanh không giống nhau, cho nên trong xã hội xuất hiện một mâu thuẫn là có một số chủ thể kinh tế này tạm thời thiếu vốn, song ngược lại có một số chủ thể kinh tế khác lại tạm thời thừa vốn. Các chủ thể kinh tế đó không kinh doanh tiền tệ và tín dụng, cho nên không thể tự điều hoà vốn cho nhau. Ngân hàng thương mại là tổ chức kinh doanh tiền tệ và tín dụng, với một hệ thống mạng lưới chi nhánh và đại lý rộng khắp trong cả nước đã huy động được các nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi hình thành trong xã hội để phân phối lại cho nền kinh tế quốc dân theo nguyên tắc tín dụng. Trong hoạt động này, Ngân hàng thương mại thực hiện chức năng trung gian tín dụng của nền kinh tế quốc dân. Chức năng trung gian tín dụng là chức năng cơ sở của Ngân hàng thương mại, nó quyết định sự tồn tại và phát triển của Ngân hàng.

+ Chức năng trung gian thanh toán

Các chủ thể trong nền kinh tế đem tiền gửi vào các Ngân hàng thương mại một mặt để hưởng lãi suất và một mặt để Ngân hàng giữ hộ tiền của mình.

Tiền gửi vào Ngân hàng thường lưu trữ trong hệ thống tài khoản. Thông qua hệ thống tài khoản này, các chủ tài khoản có thể ủy thác cho Ngân hàng thu hộ hoặc chi hộ các khoản tiền phát sinh từ hoạt động kinh doanh của mình với các chủ tài khoản khác mở tại các ngân hàng trong nước hoặc ở nước ngoài. Nếu thu chi của các chủ tài khoản cư trú với nhau gọi là thanh toán trong nước và thu chi các chủ tài khoản cư trú với các chủ tài khoản phi cư trú gọi là thanh toán quốc tế.

Các chức năng của Ngân hàng thương mại có mối quan hệ mật thiết với nhau, bổ sung cho nhau trong đó chức năng trung gian tín dụng là cơ sở để thực hiện các chức năng khác. Chức năng thanh toán là cơ sở để mở rộng về quy mô và tiết kiệm có hiệu quả lưu thông tiền mặt.

2.3. Các chủ thể khác

Các chủ thể khác bao gồm các pháp nhân, thể nhân hoạt động trong các lĩnh vực phi Ngân hàng như kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hoá, xuất nhập khẩu lao động và chuyên gia, du lịch, vận tải, giao nhận, bảo hiểm, đầu tư và các hoạt động ngoại giao, quân sự, giao lưu văn hoá, nghệ thuật, khoa học kỹ thuật và xã hội.

Các chủ thể này tham gia hoạt động thanh toán quốc tế với tư cách là người uỷ thác cho Ngân hàng thu hộ những khoản phải thu và ra lệnh cho Ngân hàng chi các khoản phải chi cho nước ngoài.

Các khoản phải thu và ra lệnh chi của các chủ thể tham gia các hoạt động như xuất nhập khẩu hàng hoá lao động, du lịch, giao nhận vận tải, bảo hiểm, kiều hối, cổ tức, trái tức, lãi ngân hàng, viện trợ không hoàn lại, tặng biếu... có ý nghĩa hết sức quan trọng đến cán cân thanh toán của một quốc gia, bởi vì các khoản thu và chi này cấu thành cán cân thanh toán vãng lai của quốc gia đó.

3. Cán cân thanh toán quốc tế

3.1. Khái niệm: Cán cân thanh toán quốc tế là một biểu tổng hợp ghi chép một cách có hệ thống tất cả các khoản thu chi ngoại tệ của một nước phát sinh với các nước khác trong một thời kỳ nhất định.

3.2. Phân loại: Có 2 loại cán cân thanh toán quốc tế:

- Cán cân thanh toán quốc tế thời kỳ: Là cán cân thanh toán phản ánh tất cả các khoản ngoại tệ đã thu và đã chi của một nước với nước khác;

- Cán cân thanh toán quốc tế thời điểm: Là cán cân thanh toán phản ánh những khoản ngoại tệ sẽ thu và sẽ chi vào một thời điểm nào đó.

3.3. Nội dung: Gồm 5 nội dung sau:

3.3.1. Cán cân vãng lai: Ghi lại dòng hàng hoá, dịch vụ và các khoản chuyển tiền qua lại;

3.3.2. Cán cân vốn và tài chính: Phản ánh sự dịch chuyển tư bản của một nước với các nước khác (luồng vốn được đầu tư vào hoặc đầu tư ra của một quốc gia);

3.3.3. Lỗi và sai sót: Khoản mục này nếu có là do sự sai lệch và thống kê do nhầm lẫn, bỏ sót hoặc không thu nhập được số liệu; Nguyên nhân: Những ghi chép của những khoản thanh toán hoặc hoá đơn quốc tế được thực hiện vào những thời gian khác nhau, địa điểm khác nhau và có thể bằng những phương pháp khác nhau. Do vậy, những ghi chép này, cơ sở để xây dựng những thống kê của cán cân thanh toán quốc tế, chắc chắn không hoàn hảo. Từ đó, dẫn đến những sai số thống kê.

3.3.4. Cán cân tổng thể: Nếu công tác thống kê đạt mức chính xác tức lỗi và sai sót bằng không thì cán cân tổng thể là tổng của cán cân vãng lai và cán cân vốn

$$\text{Cán cân tổng thể} = \text{Cán cân vãng lai} + \text{Cán cân vốn} + \text{Lỗi và sai sót}$$

3.3.5. Tài trợ chính thức (Cán cân bù đắp chính thức) gồm: Dự trữ ngoại hối quốc gia; Quan hệ với IMF và các ngân hàng trung ương khác; Thay đổi dự trữ của các ngân hàng trung ương khác bằng đồng tiền của quốc gia có lập cán cân thanh toán. Trong đó dự trữ ngoại hối quốc gia đóng vai trò quyết định.

3.4. Những nhân tố ảnh hưởng đến cán cân thanh toán quốc tế:

3.4.1. Cán cân thương mại: là yếu tố quan trọng quyết định đến vị trí của cán cân thanh toán quốc tế.

3.4.2. Lạm phát: Với điều kiện các nhân tố khác không đổi, nếu tỷ lệ lạm phát của một quốc gia cao hơn so với các nước khác có quan hệ mậu dịch làm

giảm sức cạnh tranh của hàng hoá của nước này trên thị trường quốc tế do đó làm cho khối lượng xuất khẩu giảm

3.4.3. Ảnh hưởng của thu nhập quốc dân: Nếu mức thu nhập của một quốc gia tăng theo một tỷ lệ cao hơn tỷ lệ tăng của quốc gia khác, tài khoản vãng lai của quốc gia đó sẽ giảm nếu các yếu tố khác bằng nhau

3.4.4. Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái: Nếu tiền của một nước bắt đầu tăng giá so với tiền của quốc gia khác, tài khoản vãng lai của nước đó sẽ giảm nếu các yếu tố khác bằng nhau. Hàng hoá xuất khẩu từ nước này sẽ trở nên đắt hơn đối với các nước nhập khẩu nếu đồng tiền của họ mạnh.

3.4.5. Sự ổn định chính trị của một đất nước, chính sách đối ngoại của quốc gia: Sự ổn định chính trị của một đất nước là cơ sở vững chắc để phát triển kinh tế đây là điều kiện tiên quyết để các quốc gia khác tang cường quan hệ kinh tế. Bên cạnh đó chính sách đối ngoại trở thành điều kiện đủ cho mọi quan hệ kinh tế trực tiếp. Trong điều kiện mở cửa và hội nhập, chính sách đối ngoại phù hợp sẽ là yếu tố mở đường cho mọi yếu tố khác phát triển.

3.4.6. Khả năng và trình độ quản lý kinh tế của chính phủ: Đây là yếu tố tạo sự phát triển bền vững và tang trưởng liên tục của nền kinh tế. Yếu tố này vừa mang tính thử nghiệm vừa đánh giá sự năng động trong điều hành nền kinh tế của chính phủ trong đó có quan hệ kinh tế đối ngoại cũng sẽ đạt được. Do đó cán cân thanh toán quốc tế sẽ được cải thiện theo chiều thuận.

4. Các điều kiện trong thanh toán quốc tế

4.1. Điều kiện tiền tệ

Điều kiện về tiền tệ có nghĩa là việc qui định sử dụng đơn vị tiền tệ của nước nào để tính toán và thanh toán trong hợp đồng thanh toán quốc tế, đồng thời qui định các xử lý khi có sự biến động về giá trị của đồng tiền đó trong quá trình thực hiện hợp đồng xuất- nhập khẩu hàng hóa và thanh toán.

4.1.1 Lựa chọn tiền tệ:

Đồng tiền nào được lựa chọn sử dụng trong thanh toán quốc tế phải được thỏa thuận giữa 2 bên mua và bán.

Nhìn chung, đồng tiền được chọn phải là những đồng tiền tự do chuyển

đổi (Free convertible currency), có độ uy tín và có độ ổn định cao, vì chỉ những đồng tiền này mới có giá trị sử dụng rộng rãi trên phạm vi toàn thế giới, và người sở hữu loại tiền đó được tự do chuyển đổi sang những đồng tiền khác, hoặc được chuyển đổi sang đồng tiền khác với điều kiện dễ dàng hơn.

Đồng tiền được sử dụng phổ biến trong thanh toán quốc tế là USD, EURO, GBP, JPY, HKD, AUD và một số ngoại tệ tự do khác.

4.1.2. Lựa chọn phương pháp đảm bảo hối đoái cho tiền tệ

* Điều kiện đảm bảo ngoại hối

Hai bên mua bán sẽ thỏa thuận lựa chọn một đồng tiền tương đối ổn định, xác định tỷ giá với đồng tiền được lựa chọn trong thanh toán để đảm bảo giá trị của đồng tiền thanh toán là điều kiện đảm bảo ngoại hối.

Trước 1 ngày thanh toán lấy lại tỷ giá giữa 2 đồng tiền này để đối chiếu với tỷ giá đã xác định, nếu có sự thay đổi sẽ điều chỉnh tổng giá trị hợp đồng theo sự biến động đó.

* Điều kiện đảm bảo theo “rổ” tiền tệ

Khi lựa chọn đảm bảo hối đoái theo “rổ” tiền tệ, sau khi các bên đã thỏa thuận thống nhất số ngoại tệ chọn đưa vào rổ tiền tệ thì sẽ xác định tỷ giá trung bình của cả “rổ” tiền tệ này với đồng tiền đã lựa chọn trong thanh toán tại thời điểm ký hợp đồng. Trước một ngày kết thúc hợp đồng thanh toán thì lấy lại tỷ giá này. Đối chiếu sự biến động và điều chỉnh giá trị hợp đồng thanh toán theo sự biến động cho tương thích.

4.2. Điều kiện địa điểm thanh toán

Địa điểm thanh toán là nơi người bán nhận được tiền còn người mua trả tiền. Trong thanh toán ngoại thương, địa điểm thanh toán có thể ở nước người nhập khẩu hoặc ở nước người xuất khẩu hoặc ở nước thứ ba.

4.3. Điều kiện thời gian thanh toán

4.3.1. Trả tiền ngay (pay down)

Trả tiền ngay là điều kiện để xác định việc giao hàng hoặc cung ứng dịch vụ và việc trả tiền của người nhận, là hai việc phải được tiến hành đồng thời. Người mua trả tiền cho người bán ngay khi người bán hoàn thành nghĩa vụ

giao hàng.

4.3.2. Trả tiền trước (before payment)

Nghĩa là bên mua trả tiền một phần hay toàn bộ cho bên bán trước khi giao nhận hàng hóa. Mục đích trả trước là để người mua cung cấp tín dụng thương mại cho người bán, hoặc để ràng buộc người mua phải thực hiện hợp đồng.

4.3.3. Trả tiền sau (after payment)

Trả tiền sau là hình thức bán chịu hàng hóa cho người mua, đây cũng chính là tín dụng thương mại mà người bán (người xuất khẩu) cung cấp cho người mua (người nhập khẩu).

Người mua trả tiền cho người bán sau khi giao hàng một thời hạn nhất định (1 tháng, 3 tháng, 6 tháng, 1 năm,...).

* Các cách trả sau:

- Trả sau 1 lần khi đáo hạn
- Trả sau nhiều lần

4.4. Điều kiện về phương thức thanh toán

Các phương thức thanh toán chủ yếu hiện nay là:

- +Phương thức chuyển tiền
- +Phương thức nhờ thu
- +Phương thức tín dụng chứng từ

Mỗi phương thức thanh toán đều có một quy trình riêng, có ưu nhược điểm khác nhau. Tùy trường hợp cụ thể mà lựa chọn phương thức thích hợp và khi đã thống nhất thì phương thức thanh toán phải được khẳng định trong hợp đồng kinh tế.

5. Thương mại quốc tế:

Thương mại quốc tế là quá trình trao đổi hàng hoá giữa các nước thông qua buôn bán nhằm mục đích kinh tế tối đa. Trao đổi hàng hoá là một hình thức của các mối quan hệ kinh tế xã hội và phản ánh sự phụ thuộc lẫn nhau giữa những người sản xuất kinh doanh hàng hoá riêng biệt của các quốc gia. Thương mại quốc tế là một lĩnh vực quan trọng nhằm tạo điều kiện cho các nước tham

gia vào phân công lao động quốc tế, phát triển kinh tế và làm giàu cho đất nước. Ngày nay, thương mại quốc tế không chỉ mang ý nghĩa đơn thuần là buôn bán mà là sự phụ thuộc tất yếu giữa các quốc gia vào phân công lao động quốc tế. Vì vậy, phải coi thương mại quốc tế như một tiền đề một nhân tố phát triển kinh tế trong nước trên cơ sở lựa chọn một cách tối ưu sự phân công lao động và chuyên môn hoá quốc tế.

CHƯƠNG 2: Tỷ giá hối đoái

Mã chương: TT 02

Giới thiệu: Nội dung chương giới thiệu về khái niệm, các loại tỷ giá hối đoái

Mục tiêu:

- Về kiến thức: + Trình bày khái niệm cơ bản và khái niệm có tính thị trường của tỷ giá hối đoái;
 - + Trình bày các loại tỷ giá hối đoái;
 - + Trình được các nội dung và cách tính tỷ giá hối đoái trong các trường hợp khác nhau;
- Về kỹ năng: + Giải thích cách công bố tỷ giá hối đoái và phương pháp yết giá ngoại tệ;
 - + Vận dụng được các công thức xác định tỷ giá hối đoái theo đúng yêu cầu của bài tập;

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm : + Rèn luyện tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, chính xác.

Nội dung chính :

1. Khái niệm :

Việc thực hiện các nghĩa vụ thanh toán quốc tế đòi hỏi phải so sánh một đồng tiền nước này với đồng tiền của nước khác. Khi việc trao đổi mua bán vượt ra khỏi phạm vi một quốc gia phải thỏa thuận dùng đồng tiền nước nào để tính và thanh toán hợp đồng. Việc thanh toán này có thể sử dụng một trong hai đồng tiền của hai nước nhưng cũng có thể sử dụng một đồng tiền thứ ba nào đó, từ đó xuất hiện đòi hỏi phải xem xét, tính toán một đồng tiền nội tệ được bao nhiêu đồng ngoại tệ hoặc ngược lại một đồng ngoại tệ được bao nhiêu nội tệ, tức là phải bằng cách nào đó chuyển đổi một đơn vị tiền tệ của nước này thành đơn vị tiền tệ của nước khác.

Muốn thực hiện được điều đó, cần phải dựa vào một mức qui đổi xác định. Nói cách khác đó chính là phải dựa vào tỷ giá hối đoái. Vậy tỷ giá hối đoái là gì?

Có nhiều khái niệm về tỷ giá hối đoái mà chúng ta có thể trích dẫn định nghĩa của một số tác giả sau đây.

Theo Samuelson - nhà kinh tế học người Mỹ cho rằng: Tỷ giá hối đoái là tỷ giá để đổi tiền của một nước lấy tiền của một nước khác. (Trần Thị Xuân Hương. 2006)

Theo Lê Văn Tế (1999) cho rằng: Tỷ giá hối đoái là tỷ giá so sánh đồng tiền giữa các nước xét về mặt giá trị.

Ở mục 5 điều 4 của Nghị định 63/1998/NĐ-CP ngày 17-8-1998 của Chính phủ Về quản lý ngoại hối ghi rõ: "Tỷ giá hối đoái là giá của một đơn vị tiền tệ nước ngoài tính bằng đơn vị tiền tệ Việt Nam".

Ví dụ: Một người nhập khẩu ở Việt Nam phải bỏ ra 797.5 triệu VND để mua 50,000USD trả tiền hàng nhập khẩu từ Mỹ. Như vậy giá 1 USD là

15,950 VND, đây là tỷ giá hối đoái giữa đồng đô la Mỹ và đồng ngân hàng Việt Nam.

Như vậy, *tỷ giá hối đoái là tỷ lệ chuyển đổi từ đơn vị tiền tệ nước này sang đơn vị tiền tệ nước khác.*

Tỷ giá hối đoái là quan hệ so sánh đồng tiền giữa hai quốc gia với nhau, tuy nhiên sự so sánh này phải dựa vào căn cứ:

Trong chế độ bản vị vàng, tiền tệ trong lưu thông là tiền đúc bằng vàng và giấy bạc ngân hàng được đổi tự do ra vào căn cứ vào hàm lượng vàng của nó. Tỷ giá hối đoái lúc này là quan hệ so sánh hai đồng tiền vàng của hai nước với nhau hoặc là so sánh hàm lượng vàng của hai đồng tiền lại với nhau.

Cách so sánh này gọi là ngang giá vàng (Gold parity). Như vậy trong chế độ bản vị vàng, ngang giá vàng là cơ sở hình thành tỷ giá hối đoái.

Ví dụ: Hàm lượng vàng của bảng Anh là 2.488281 gam, của đô la Mỹ là 0.888671 gam, do đó quan hệ so sánh giữa GBP và USD là:

$$1 \text{ GBP} = 2.488281 / 0.888671 = 2.8 \text{ USD}$$

Trong chế độ lưu thông tiền giấy, giấy bạc ngân hàng không được đổi tự do ra vàng theo hàm lượng của nó, do đó ngang giá vàng không còn là cơ sở để hình thành tỷ giá hối đoái. Lúc này việc so sánh hai đồng tiền với nhau được thực hiện bằng cách so sánh sức mua của hai tiền tệ với nhau, gọi là ngang giá sức mua của tiền tệ (Purchasing Power Parity)

Ví dụ: Một hàng hóa A ở Mỹ có giá là 100USD, ở Pháp có giá là 82EUR
Ngang giá sức mua là : $1 \text{ USD} = (82/100) = 0.82 \text{ EUR}$. Đây chính là tỷ giá hối đoái giữa đô la Mỹ và đồng EUR.

2. Cơ sở hình thành tỷ giá hối đoái

2.1. Cầu về tiền trên thị trường ngoại hối

Có cầu về tiền của nước a trên thị trường ngoại hối khi dân cư từ các nước khác mua hàng hóa và dịch vụ được sản xuất ra tại nước a. một nước xuất khẩu càng nhiều thì cầu đối với đồng tiền nước đó càng lớn trên thị trường ngoại hối.